

Bản án số: 29/2021/DS-ST
Ngày: 30-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Vũ Văn Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2021/TLST-DS ngày 20/7/2021 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-DS ngày 01/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-DS ngày 20/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ sinh năm 1993; địa chỉ: Số 152 H, quận H, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền số 1980/2021/UQ-LCC-KHCNMB2 ngày 23/6/2021); có mặt.

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Mạnh C sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

2. Chị Nguyễn Thị Thùy C sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

2. Bà Vũ Thị H sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Mỹ Tranh, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

3. Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

4. Anh Nguyễn Hoàng D sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) đều trình bày:

Giữa Ngân hàng với bị đơn có quan hệ tín dụng bởi Hợp đồng tín dụng số LN1808210880117 ngày 23/8/2018 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng) số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho anh C, chị C vay 720.000.000 đồng để mua sắm đồ dùng gia đình; thời hạn và lãi suất vay theo thỏa thuận. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 130m² và tài sản gắn liền với đất tại thôn Mỹ Tranh, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thuộc thửa đất số 211A, tờ bản đồ số 15; giấy chứng nhận số BK 527551, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00114 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 25/5/2012 đứng tên anh Nguyễn Mạnh C (Sau đây viết tắt là Thửa đất số 211A), Hợp đồng thế chấp tài sản số 880117 được công chứng tại Phòng công chứng Gia Phúc thành phố Hải Phòng ngày 23/8/2018 số công chứng 5320 và đăng kí giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng kí đất đai - C nhánh huyện An Dương ngày 23/8/2018.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng anh C, chị C mới trả được một phần nợ gốc và lãi. Đến ngày 15/3/2021 vi phạm nghĩa vụ thanh toán để nợ quá hạn, mặc dù đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nhưng bên vay đều không thực hiện được. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ngày 20/9/2021 anh C chị C đã trả được 620.000.000 đồng vào dư nợ gốc.

Ngân hàng khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh C, chị C trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2021 là 279.341.478 đồng; trong đó nợ gốc 11.166.035 đồng, lãi trong hạn và quá hạn 242.682.212 đồng (lãi trong hạn 23.083.265 đồng, lãi quá hạn 219.598.947 đồng); lãi phạt 25.493.230 đồng. Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ trong trường hợp bên vay không trả nợ.

Trong Văn bản ngày 05/8/2021 anh C đồng ý với trình bày cũng như yêu cầu của Ngân hàng là đúng. Việc không trả được nợ vay đúng hạn là do kinh tế gặp khó khăn, dịch bệnh kéo dài, đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần với mức 15.000.000 đồng/tháng vào dư nợ gốc.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của

pháp luật; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh C, chị C phải trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2021 là 279.341.478 đồng; trong đó nợ gốc 11.166.035 đồng, lãi trong hạn và quá hạn 242.682.212 đồng; lãi phạt 25.493.230 đồng. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 211A để nguyên đơn thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án và án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Anh C, chị C, ông Đ, bà H, bà Thùy và anh Duy đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn: Sự thừa nhận của nguyên đơn và anh C về quan hệ tín dụng, về bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, về toàn bộ số nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn phù hợp với tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp và Tòa án thu thập được. Do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc 11.166.035 đồng, lãi trong hạn 23.083.265 đồng, lãi quá hạn 219.598.947 đồng là có căn cứ chấp nhận theo các điều 117, 463 và 466 của BLDS.

[3.2] Đối với số lãi phạt chậm trả: Hợp đồng tín dụng ký năm 2018, bên vay trả không đầy đủ theo thỏa thuận vào ngày 15 hằng tháng. Theo hướng dẫn tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản thì việc Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phạt chậm trả 25.493.230 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Sự thừa nhận của nguyên đơn, anh C về thế chấp tài sản phù hợp với chứng cứ nguyên đơn giao nộp và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cũng như các chứng cứ khác do Tòa án thu thập được. Do vậy yêu cầu của Ngân hàng về phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 211A trong trường

hợp bên vay không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận theo các điều 298, 299, 500, 501 và 502 của BLDS; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 13.967.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 298, 299, 463, 466, 500, 501 và 502 của Bộ luật Dân sự; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh C và chị Nguyễn Thị Thùy C phải trả nợ cho Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo Hợp đồng tín dụng số LN1808210880117 ngày 23/8/2018 tính đến ngày 30/9/2021 với tổng số tiền là 279.341.478 đồng; trong đó nợ gốc 11.166.035 đồng, lãi trong hạn và quá hạn 242.682.212 đồng; lãi phạt 25.493.230 đồng.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay (Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

2. Trường hợp anh Nguyễn Mạnh C và chị Nguyễn Thị Thùy C không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản sau đây thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất diện tích 130m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn Mỹ Tranh, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thuộc thửa đất số 211A, tờ bản đồ số 15; giấy chứng nhận số BK 527551, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00114 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 25/5/2012 đứng tên anh Nguyễn Mạnh C

Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì anh Nguyễn Mạnh C và chị Nguyễn Thị Thùy C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Mạnh C và chị Nguyễn Thị Thùy C phải nộp 13.967.000 đồng. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 17.270.000 đồng đã nộp tại C cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, biên lai số 0019654 ngày 20/7/2021.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- C cục THADS h. An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng